

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 99****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười lăm, dòng thứ năm, xem từ câu thứ hai.

“Nhu thượng thập nguyện, nguyện nguyện giai viết: Ngã thử đại nguyện, vô hữu cùng tận, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân, ngữ, ý nghiệp, vô hữu bì yếm” (Mười nguyện như trên, nguyện nào cũng đều nói: “Đại nguyện này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm nối tiếp chẳng có gián đoạn. Thân, ngữ, ý nghiệp chẳng có nhọc mỏi”). Trong đoạn kinh văn này, lúc Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện, đối với mỗi nguyện đều dùng mấy câu này để tổng kết. Ở đây nói “ngã thử đại nguyện” (đại nguyện này của tôi), nguyện thứ nhất là “lễ kính chư Phật”, nguyện thứ hai là “xưng tán Như Lai”, cho đến nguyện thứ mười là “phổ giai hồi hướng”, mỗi nguyện chẳng có cùng tận, tương ứng với khắp pháp giới. Đúng như “tam chủng châu biến” (ba thứ trọn khắp) trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, thứ nhất là “trọn khắp pháp giới”. Trong Hoàn Nguyên Quán, Ngài nói là “dao động”. Dao động ấy hết sức vi tế, rất nhanh, mỗi dao động đều lập tức trọn khắp pháp giới. Tốc độ ấy chẳng có cách nào tương tượng được, chắc chắn không phải là tốc độ ánh sáng hay tốc độ sóng điện từ như đã nói trong hiện tại, chẳng có cách nào sánh bằng. Ánh sáng mặt trời từ mặt trời chiếu đến địa cầu phải mất hơn tám phút, nhưng dao động trong tự tánh vừa động liền trọn khắp pháp giới. Đó là loại thứ nhất trong ba thứ trọn khắp. Nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát cũng là một thứ dao động, bất luận là hữu ý hoặc vô tình, bất luận là thiện nguyện hay là ác niệm, đều là cùng một đạo lý. Vì thế, chuyện này chẳng phải là giả, mà là thật!

Đối với mấy câu tổng kết này của Phổ Hiền Bồ Tát, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng phải là như vậy. Hữu tình có ý niệm, ý niệm ấy động, tức là hiện tượng dao động; vô tình chúng sanh thuộc về vật chất, vật chất có dao động hay không? Có. Hiện thời, coi như chúng ta đã hiểu rõ, chẳng dao động nó sẽ không tồn tại, nhất định phải dao động nó mới tồn tại. Giống như chúng ta xem phim ảnh, phim ảnh là từng tấm phim một chiếu rất nhanh qua ống kính [của máy chiếu], khiến cho chúng ta thấy huyền tượng trên màn bạc, ngỡ chúng đang cử động. Trên thực tế, chẳng phải là như vậy, mỗi tấm phim đều độc lập. Nếu chúng chẳng cử động (tức là từng tấm phim không được kéo qua ống kính), sự chuyển động [của hình ảnh trên màn bạc] bèn ngưng dứt. Nếu chúng chẳng còn được liên tiếp chiếu qua ống kính nữa, màn bạc trống rỗng, hiện tượng là như vậy đó. Hiện thời, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, đó là tượng dao động liên tục. Các nhà khoa học còn thêm vào một câu, [hiện tượng vật chất] là hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm, do ý niệm tích lũy thành. Ý niệm tích lũy thành vật chất, nên vật chất có hiện tượng dao động. Nếu “sóng” [ý niệm] chẳng động, vật chất sẽ chẳng còn nữa, chẳng tồn tại. Các hiện tượng dao động ấy đều trọn khắp pháp giới, lập tức trọn khắp pháp giới. Khoa học hiện thời vẫn chưa thể ứng dụng hiện tượng dao động ấy để

truyền đạt thông tin. Sự truyền đạt ấy quá nhanh, ánh sáng và sóng điện từ đều chẳng thể sánh bằng. Do vậy, câu này là thật, chẳng phải là nói tỷ dụ, mà tương ứng với pháp giới!

Câu thứ hai, “*niệm niệm tương tục*” (niệm niệm tiếp nối), nói theo cách bây giờ là “tương ứng với thời gian”. Thời gian có tồn tại hay không? Niệm niệm liên tục, thời gian tồn tại dưới hình thái này. Nếu niệm niệm chẳng liên tục, thời gian chẳng có, đã đoạn rồi. Vì thế, thời gian cũng là huyền tướng do niệm niệm liên tục sanh ra. “*Vô hữu gián đoạn*” (chẳng có gián đoạn), đây là tương ứng với tự tánh, tự tánh bất sanh bất diệt, chẳng gián đoạn. Bất quá, ở đây, hai câu trước nói đến trạng thái dao động của tự tánh. Thật ra, tự tánh bất động, trạng thái dao động ấy chẳng thật, nó khiến cho tự tánh sanh ra ảnh hưởng, nhưng tự tánh quả thật chẳng gián đoạn, tự tánh chẳng biến đổi. Tiếp đó là “*thân, ngữ, ý nghiệp*”, tức là tương ứng với tam nghiệp. Mỗi nguyện đều tương ứng với pháp giới, tương ứng với thời gian, tương ứng với tự tánh, tương ứng với ba nghiệp thân - ngữ - ý. “*Vô hữu bì yếm*” (chẳng có nhọc mỏi), tự tánh vốn là như thế. Đây là Phổ Hiền Bồ Tát đã nêu khuôn phép, gương mẫu tu hành cho chúng ta, nêu gương cho ai? Đều là nêu gương cho Pháp Thân Bồ Tát. Phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, phẩm này có tựa đề đầy đủ là Nhập Bát Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Bát Tư Nghị Cảnh Giới là sở nhập (cái được chứng nhập), tức là trở về tự tánh; Phổ Hiền Hạnh Nguyên là năng nhập (cái có thể nhập, phương tiện hoặc chủ thể thực hiện sự chứng nhập ấy). Chỉ có tu Phổ Hiền hạnh nguyện mới có thể nhập cảnh giới ấy. Tịnh Tông gọi cảnh giới ấy là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Bốn câu này, kể thêm câu cuối là “*vô hữu bì yếm*” (chẳng có nhọc mỏi) thành năm câu, chính là Phổ Hiền Bồ Tát vì chúng ta hình dung Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang có tác dụng, chẳng phải là vô tác dụng; chúng sanh có cảm, Thường Tịch Quang bèn hiện tướng, thuận theo tâm của chúng sanh để ứng với khả năng nhận lãnh của họ.

Đoạn tiếp theo, “*Hạnh Nguyên Phẩm*” (trong phẩm Hạnh Nguyên), có mấy câu như sau, “*Hạnh Nguyên Phẩm phục vân*” (Hạnh Nguyên Phẩm lại nói), tức là nói thêm, “*nhược nhân tụng thử nguyện giả*” (nếu ai tụng nguyện này), tinh lược những câu kể đó, [chỉ sao lược đoạn này], “*thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (người ấy lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng, hết thảy các căn thảy đều hư hoại); đây là nói về người thường đọc tụng phẩm Hạnh Nguyên. Kinh văn của cả phẩm Hạnh Nguyên rất dài, gồm có tất cả bốn mươi quyển, cổ đại đức nhằm tạo thuận tiện cho hành nhân tu học, “*hành nhân*” là đệ tử Phật môn, tức là người y theo kinh giáo để tu hành, đặc biệt lấy ra một quyển để lưu thông đơn độc, hòng làm cho người bình phàm học tập dễ dàng. Thanh Lương đại sư làm chuyện này, lão nhân gia lấy ra quyển cuối cùng [của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm]. Thông thường chúng ta nói đến Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm thì quá nửa là nói tới quyển cuối cùng này. Tông Mật đại sư đã chú giải quyển ấy tỉ mỉ, đó chính là tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Số Sao, [gọi tên như vậy] do nó chẳng phải là toàn bộ kinh, chỉ là quyển cuối cùng của cả bộ kinh, tức quyển cuối cùng trong bốn mươi quyển. Quyển này đặc biệt trọng yếu, quyển này chính là “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” như trong kinh điển thường nói. Quyển này dẫn dắt về Cực Lạc, mà cũng là trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, đến cuối cùng, đồng tử tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đưa Thiện Tài về thế giới Cực Lạc, vô cùng thù thắng!

Nói theo người tu hành pháp môn này, ở đây [kinh Hoa Nghiêm] nói là “*đọc tụng*”, đối trước kinh bốn đề niệm thì là “*đọc*” (讀: đọc), chẳng đối trước kinh bốn [mà đọc thuộc lòng] thì gọi là “*tụng*”. Tụng (誦) là niệm thuộc lòng, niệm rất thuần thực, có thể niệm thuộc lòng một quyển kinh văn này. Đọc cũng thế, mà tụng cũng vậy, chẳng thể không hiểu ý nghĩa của kinh. Kinh có bốn loại, “*giáo, lý, hành, quả*”, văn tự, ngôn thuyết là Giáo, trong Giáo có Lý, tức là có đạo lý. Chẳng thể không hiểu rõ Lý, hiểu rõ là Giải. Quý vị đã hiểu rõ đạo lý ấy, sau khi liễu giải phải hành. Mười đại nguyện vương này đều được áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, sẽ thay đổi hết thảy tâm thái sai lầm của chúng ta. Điều thứ nhất, quý vị có thể nói ai chẳng ngạo mạn hay không? Ngạo mạn là phiền não bầm sanh, chẳng cần phải học! Một niệm bất giác, A Lại Da liền xuất hiện, tám thức, năm mươi một Tâm Sở là hiện tượng tinh thần. Thức thứ tám, tức A Lại Da, là căn bản của mê hoặc, ba tế tướng từ A Lại Da biến hiện thành Mạt Na, Mạt Na là thức thứ bảy. Từ thức thứ bảy lại biến hiện thức thứ sáu, thức thứ sáu là ý thức. Thức thứ bảy có tên tiếng Phạn là Mạt Na (Manas-vijñāna), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Nhiễm Ô Thức, [hàm ý] nó chẳng sạch sẽ, chấp trước. Bốn đại phiền não thường đi theo Mạt Na, chúng có từ lúc mới sanh ra. Bốn đại phiền não, thứ nhất là Ngã Kiến, chính là chấp trước có Ngã, còn chưa có thân, chưa phải là chấp trước thân, mà là chấp trước có Ngã. Do có Ngã nên mới đi tìm thân thể, tìm thân thể để đầu thai, tìm thân thể trong lục đạo. Ngoài Ngã Kiến có Ngã Ái, Ngã Ái là tham, Ngã Mạn, quý vị thấy [Ngã Mạn] là ngạo mạn, Ngã Mạn là sân khuê, Ngã Si. Tham, sân, si là Tam Độc phiền não. Khi nào sẽ có? Một niệm bất giác bèn có. Tuy có, chẳng nghiêm trọng như hiện thời. Hiện nay, chúng ta tham, sân, si quá nghiêm trọng, cảm vôi khá nhiều tai nạn xuất hiện. Do vì chẳng chuyển thức thành trí, vẫn dùng tám thức, chúng ta biết Phật, Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới vẫn dùng tám thức. Đã dùng tám thức thì chúng ta biết Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Mạn, Ngã Si đương nhiên vẫn còn, nhưng rất nhẹ nhàng, rất vi tế. Trong bốn thánh pháp giới hãy còn [bốn đại phiền não ấy]; trong lục đạo thì thô tháo, nặng nề, chúng biến thành Kiến Tư phiền não. Trong kinh Phật đã nói rất cặn kẽ, trong tam giới có tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc và tám mươi một phẩm Tư Hoặc, chúng do những thứ ấy (Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Mạn, Ngã Si) biến hiện ra.

Do vậy, chúng ta phải thừa nhận, chưa thể chuyển tám thức thành bốn trí thì Ngã Mạn hãy còn, chẳng dễ đoạn. Pháp Thân Bồ Tát đã đoạn, tuy đã đoạn nhưng vẫn còn có tập khí, khi học kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thảo luận chuyện này rất nhiều. Kinh điển cho biết, muốn đoạn hoàn toàn tập khí, phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp. A-tăng-kỳ (Asamkhyā) là đại kiếp, ba A-tăng-kỳ, A-tăng-kỳ là con số rất lớn, phải trải qua thời gian dài ngàn ấy, tập khí mới chẳng còn. Tập khí chẳng có, chúng ta biết cõi Thật Báo sẽ chẳng có. Cõi Thật Báo do tập khí biến ra. Thật vậy, chưa đoạn vô minh, hễ còn có một phẩm vô minh chưa đoạn thì vẫn ở trong mười pháp giới, chẳng ở trong cõi Thật Báo. Phải đoạn hết một phẩm vô minh ấy, thật sự đoạn thì mới có thể vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Trong cảnh giới ấy, tự - tha bất nhị, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều chẳng có, ở đây, chúng ta cũng gọi nó là Nhất Chân pháp giới, nó là thật, mười pháp giới là giả, lục đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Chúng ta phải thường huân tập những kinh giáo ấy, phải đọc tụng, phải nghe giảng, phải hiểu nghĩa, phải thường tư duy. Tư duy là tác quán, biến nó thành một thứ vũ trụ quan và nhân sinh quan của chúng

ta. Đó là vũ trụ quan và nhân sinh quan chánh xác nhất, chẳng có mảy may sai lầm. Đối với vũ trụ quan và nhân sinh quan của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng có thể nhập cảnh giới ấy, đó là “thật sự tu hành”. Thường tác quán như thế, nói thật ra, phép quán ấy chính là sáu hạng mục trong Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, tức là “*hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*” (hiển lộ một thể, khởi hai tác dụng, phô bày ba thứ trọn khắp), sau đó là “*từ đức, ngũ chỉ, lục quán*”.

Người ấy “*lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na*” (lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng), “*tối hậu*” là lúc tắt hơi, đã hết thở, thần thức ly khai thân thể, khi ấy “*nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (hết thấy các căn thấy đều hư hoại), đó là gì? Nơi thân thể, sáu căn chẳng khởi tác dụng, mắt không thể thấy, tai chẳng thể nghe. “*Nhất thiết chư căn*” là sáu căn, sáu căn mất tác dụng. Vì sao? Thức đã rời khỏi, trong tâm quý vị, A Lại Da đã rời khỏi, Mạt Na đã rời khỏi, ý thức đã rời khỏi, năm thức trước cũng đã rời khỏi thân thể này! Thức có tồn tại hay không? Tồn tại, nó rời khỏi [thân thể], nhưng nó tồn tại, thể tục chúng ta gọi nó là “linh hồn”, linh hồn rời khỏi thân thể. Khi con người chưa chết, linh hồn có thể rời khỏi thân thể hay không? Đôi khi cũng có, [hiện tượng ấy được] gọi là “*linh hồn xuất khiếu*”. Thân thể người ấy chưa hoại, còn hít thở, nhưng linh hồn tạm thời rời khỏi thân thể trong một khoảng thời gian ngắn, sẽ khởi lên tác dụng có năng lực lớn hơn bình thường. Lìa khỏi thân thể giống như lơ lửng trong không trung, người ấy có thể trông thấy thân thể của chính mình, và cũng có thể thấy động tác của hết thấy mọi người chung quanh. Như vậy là linh hồn có thể rời khỏi thân thể. Chúng ta nằm mộng, mộng là linh hồn đang khởi tác dụng, chẳng phải là thân thể, mà là linh hồn đang khởi tác dụng.

Nói tới linh hồn thì cũng có sự hiểu lầm, hồn có, nhưng nó quyết định chẳng linh! Nói là hồn thì được, chứ nó chẳng linh. Vì vậy, Khổng Tử chẳng nói linh hồn, mà gọi là “*du hồn*”. Quý vị đọc kinh Dịch: “*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến*”¹, dùng “*du hồn*” để nói rất hay, chẳng phải Khổng lão phu tử không biết. Vì tốc độ hoạt động của hồn rất nhanh, nó hết sức không ổn định, giống như ý niệm của chúng ta, niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm này tiếp nối niệm kia, ở trong trạng thái ấy, nên gọi “*du hồn*” là chánh xác. Nó chẳng thông minh, nếu thật sự linh thì làm sao có thể vào trong ba ác đạo đầu thai? Chẳng có đạo lý ấy! Vào trong ba ác đạo đầu thai, vẫn chưa phải là mê hoặc, điên đảo mà vào, làm tướng là cảnh giới tốt đẹp, sau khi đến đó bèn bị lừa, chẳng thoát ra được, tình hình nói chung là như vậy. Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, lục đạo là giới hạn. Tu hành tốt đẹp, có thể sanh lên thiên đạo, có thể đạt đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, nhưng chẳng thoát lìa lục đạo. Tu hành đến một mức công phu nhất định, thật sự có một chút giác ngộ, chưa phải là đại triệt đại ngộ, thật sự có giác ngộ trong Phật pháp, bèn thoát ly lục đạo. Đã thoát ly lục đạo thì chúng ta sẽ không gọi nó là linh hồn nữa, mà thường gọi

¹ Có rất nhiều cách giải thích câu này, nói chung khó hiểu và không rõ ràng, nên chúng tôi chọn cách giải thích đơn giản của giáo sư Từ Tịnh Dân trong tác phẩm *Độc Dịch Giảng Thuyết*. Theo đó, sanh mạng của chúng ta do Âm Dương của cha mẹ kết hợp, trước đó, du hồn của chúng ta nhập vào thai, nhờ vào tinh khí của cha mẹ để thành thân hình, đó là “*tinh khí vi vật*”, hoặc gọi là Sanh. Khi thân thể chúng ta suy lão, âm dương phân ly, do vậy, hồn mất nơi nương tựa, đó là chết. Hồn mất nơi nương tựa, phiêu đảng nên gọi là Du Hồn. Cho đến khi âm dương giao hội, do khí phận tương cảm, lại nương gá vào để chuyển thế lần nữa, nên gọi là “*du hồn vi biến*”.

là “linh tánh”. Cách gọi này cũng chánh xác, vì linh tánh là chính mình chân thật. Linh tánh như chúng ta thường nói ấy thuộc về bốn pháp giới, chẳng thuộc trong lục đạo. Ở đây, [sách Chú Giải] cho biết, người sắp mất, trong một sát-na, sát-na ấy là lúc vô cùng mầu chót, nên lâm chung trợ niệm hết sức có lý!

Sáu căn đã hư hoại, chẳng khởi tác dụng, “*nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly*” (hết thân thuộc thấy đều lìa bỏ). Người nhà quyền thuộc chia tay quý vị, cũng là duyên phận cùng nhau tụ hợp của quý vị đã hết, sau này còn có thể tiếp tục hay không? Điều ấy phụ thuộc duyên phận, có lúc duyên phận vào lúc ấy đã hết. Do vậy, con người phải giác ngộ, đức Phật đã giảng rất hay về mối quan hệ giữa con người với nhau, gồm bốn thứ duyên: Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, đều có lúc kết thúc. Duyên ấy chẳng còn, dẫu gặp gỡ cũng chẳng nhận ra. Do vậy, nó chẳng thật, là giả. Chúng ta đến thế gian này, quan hệ với mọi người là bốn thứ duyên phận ấy. Sau khi học Phật, đã hiểu rõ, giác ngộ, phải chuyển biến bốn thứ duyên ấy thành pháp duyên, sẽ là tốt đẹp. Chuyển biến thành pháp duyên, đó là tự độ, độ người. Trong tương lai, quý vị thành Phật, những người hữu duyên ấy bất luận ở chỗ nào, tụ tán trong khắp pháp giới, hư không giới, họ gặp khổ nạn, khẩn cầu, quý vị sẽ tiếp nhận được làn sóng [ý niệm] ấy, họ có duyên với quý vị mà! Sau khi quý vị nhận được, chắc chắn sẽ lập tức ứng, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát bèn ứng, quý vị sẽ đến giúp họ.

Đối với cảm ứng, kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, có bốn hình thái khác nhau, hiển cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng (cảm và ứng rõ rệt; cảm và ứng ngấm ngấm; cảm rõ rệt, ứng ngấm ngấm và cảm ngấm ngấm, ứng rõ rệt), bốn thứ hình thái bất đồng. Trong đời quá khứ, chúng ta đời đời kiếp kiếp kết nhiều duyên với chư Phật, Bồ Tát. Khi chúng ta gặp khó khăn, tâm và miệng cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, Phật, Bồ Tát có gia trì quý vị hay không? Gia trì! Có khi gia trì, nhưng ta chẳng cảm nhận được, đó là âm thầm gia trì quý vị. Quý vị là Hiển [Cảm], vì cầu Phật, Bồ Tát, Phật rõ rệt, Bồ Tát âm thầm phù hộ quý vị, [đó là Minh Ứng]. Học Phật, đối với giáo lý đã đạt đến trình độ nhất định, tức là trình độ lý giải, quý vị sẽ có thể tin tưởng. Thuở đầu, học rất khó, lúc mới học, hiển ứng thì biết, chứ minh ứng (ứng âm thầm) kẻ ấy chẳng biết, bảo là chẳng linh. Tuyệt đối chẳng phải là không linh! Vì sao Bồ Tát ứng mà chẳng hoàn toàn hiển ứng, lại còn có minh ứng? Chúng ta phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ Tát ứng, nhưng chẳng khởi tâm, động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước; nếu khởi tâm động niệm sẽ biến thành phàm phu. Các Ngài chẳng thoái chuyển, vĩnh viễn trụ trong Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang ở chỗ nào? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện, nên cảm ứng đạo giao ngay lập tức. Phật, Bồ Tát hiển ứng hay minh ứng (ứng ngấm ngấm), đều do ý niệm và tâm thái của chúng ta [cảm vờ]. Kinh giảng rất hay, “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng lãnh hội của họ), chẳng do ý nghĩ của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng có ý nghĩ gì.

Ở đây, đối với câu “*nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly*” (hết thân thuộc đều phải lìa bỏ) chúng ta phải giác ngộ đoạn kinh văn này, “*thân thuộc*” là người đã kết duyên với ta trong quá khứ. Sau khi học Phật, phải dùng phương pháp trí huệ để biến họ thành pháp quyền, đó là đúng. Nếu tình chấp rất sâu, nhất định sẽ nảy sanh chướng ngại đối với sự tu hành của chúng ta. Không chỉ chướng ngại quý vị chứng quả, mà còn chướng ngại

quý vị vãng sanh, ngay cả nghĩa lý của kinh giáo cũng bị nó chướng ngại. Bị nó chướng ngại điều gì? Quý vị hiểu sai, chẳng phải là nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là Tánh Đức, Tánh Đức từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ. Quý vị vừa khởi tâm động niệm, nó đã bị lệch lạc rồi. Do vậy, đối với thân thuộc, có cần phải làm ra vẻ thân ái như thế hay không? Phải! Vì sao? Nhằm giáo hóa chúng sanh ngu muội, dạy cho họ luân lý, đạo đức, khiến cho họ được sống trong một xã hội trật tự, ban cho họ cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn trên thế gian này, ban cho họ điều ấy. Phật, Bồ Tát phải làm như thế cho họ thấy, nêu gương hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si; đây là một cơ sở của hòa hài, ổn định, hỗ trợ hợp tác, đức hạnh trên thế gian. Để dạy loại chúng sanh ấy, Phật, Bồ Tát ắt phải làm như vậy, phải biểu diễn, thực hiện. Nếu có cảm tình thật sự sẽ là phàm phu. Bồ Tát biểu diễn giống như đang diễn xuất trên sân khấu, biểu diễn vô cùng giống như thật, quý vị chẳng nhìn thấy sơ sót nào, người rất sáng mắt mới có thể thấy rõ ràng, kẻ bình phàm chẳng thể thấy rõ! Ngài biểu diễn hết sức giống như thật thì mới có thể cảm hóa chúng sanh, mới có thể dạy họ trung, hiếu, liêm, si, mới có thể dạy dỗ chúng sanh, ý nghĩa là như thế đó. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế, tâm các Ngài vĩnh viễn “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong kinh đã nói, chúng ta phải biết điều này. Nếu biết thì chúng ta sẽ biết học, “học” là tu học, chúng ta mới có thể học giống hệt. Về mặt Sự, sẽ giống như lục đạo phàm phu; về Lý, bèn như Nhất Chân pháp giới, cả hai phía đều giống, đó là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian. Quý vị thấy điều đầu tiên mà người thế gian khó bỏ nhất là thân tình, nên đặt điều này lên đầu.

Lại xem điều kế tiếp, “*nhất thiết oai thế tất giai thoái thất*” (hết thảy oai thế thảy đều lui mất). Trên thế gian, quý vị có thế lực, “*oai*” (威) là quyền lực. Quý vị có quyền, có thế, làm một vị quan to. Lúc mất, chẳng mang theo được gì. Chẳng thể mang theo tước vị, quyền lực, oai thế được! Điều này cho quý vị biết chúng là giả, thân tình là giả, mà oai thế cũng giả trá. “*Phụ tướng đại thần, cung thành nội ngoại, tượng mã xa thặng, trân bảo phục tạng*” (Phụ tướng, đại thần, cung thành trong ngoài, xe voi, xe ngựa, kho tàng quý báu), quý vị là đế vương, dưới tay có Tể Tướng, đại thần, có cung điện, có Tử Cấm Thành², hưởng thụ phước báo trên thế gian. Xe voi, xe ngựa là phương tiện giao thông của quý vị, “*trân bảo phục tạng*” (kho tàng quý báu) là những thứ quý báu do quý vị cất giữ. “*Như thị*

2 Tử Cấm Thành là cung điện của nhà vua. Tử Cấm Thành là danh xưng chỉ có từ thời Minh trở đi, chỉ cho hai nơi:

1. Cô Cung nhà Minh ở Nam Kinh, còn gọi là Nam Kinh Cô Cung, do Châu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) bắt đầu xây dựng vào năm Chí Nguyên 27 (1367). Khi ấy, Châu Nguyên Chương vẫn còn là Ngô Vương, chưa xưng đế, nên còn gọi là Ngô Vương Tân Cung. Cung ở phía Nam núi Chung Sơn, có kích thước 790x750 mét, gồm nhiều điện như Phụng Thiên, Cẩn Thân, Văn Lô, Vũ Lô, Càn Thanh Cung, Khôn Ninh Cung, Đông Tây Lục Cung, chia thành bốn cửa chính là Ngọ Môn, Tây Hoa, Huyền Vũ, Đông Hoa. Phía sau cửa Ngọ Môn lại có thêm một lớp cửa là Phụng Thiên Môn. Sau khi Minh Thành Tổ dời đô về Bắc Kinh, nơi này được gọi là Cổ Cung, và dùng làm hành cung nếu vua xuống phương Nam. Khi bọn phi Thái Bình Thiên Quốc tấn công Nam Kinh dưới đời nhà Thanh đã phá hủy, đốt cháy toàn bộ cung điện này.

2. Tử Cấm Thành (Cổ Cung Bắc Vật Quán) tại Bắc Kinh là cung điện do Minh Thành Tổ xây khi dời đô lên Bắc Kinh và được dùng làm cung điện nhà vua mãi cho đến khi nhà Thanh sụp đổ.

nhất thiết, vô phục tương tùy” (hết thấy những thứ như thế chẳng còn theo ta nữa), chẳng mang theo được gì. Câu này bảo chúng ta phải thật sự giác ngộ, thật sự minh bạch, phải nên hiểu rõ: Đối với cái có thể mang theo được thì dụng tâm, cái gì không mang theo được, chớ nên bận lòng về nó; hễ quan tâm đến nó là sai mất rồi. Dụng tâm sai lầm, thứ gì cũng chẳng mang theo được! Cổ nhân dạy con cái như thế nào? Tích công lũy đức cho con cháu, hết thấy của cải trên thế gian chẳng cần để lại cho chúng nó, con cháu của họ là con cháu tốt lành. Vì sao? Họ biết tu phước, tương lai tiền đồ vô lượng. Tổ tông có đức, tự mình biết tu phước, đức hạnh của tổ tông sẽ phù trợ con cháu, đó là đúng! Để lại của cải cho chúng nó, nếu là hạng con cháu bất hiếu, sẽ bại hoại dễ dàng. Chúng nó do có được quá dễ dàng, sẽ chẳng biết quý trọng, coi thường, nên bị bại hoại. Những gương xưa nay trong ngoài nước giống như vậy rất nhiều, lịch sử đã ghi chép, tin tức rất phong phú, nhất định phải giác ngộ, những thứ ấy chẳng thể mang theo được!

“*Duy thử nguyện vương, bất tương xả ly*” (chỉ có nguyện vương này là chẳng lìa bỏ), đây là thứ quý vị mang theo được, mang theo được mười nguyện, quý vị có thể mang thứ này theo được! Mười nguyện này là Tánh Đức vốn có trong tự tánh; do mê mất tự tánh, nên coi thường, bỏ sót, tư tưởng và tâm hạnh đều trái phạm Tánh Đức. Chúng ta biết lỗi, nay phải tìm lại Tánh Đức; đã làm sai thì phải “quay đầu là bờ”. Tiếp đó, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta “*thường tùy Phật học*”, câu này trọng yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời vì chúng ta thị hiện điều gì? Lão nhân gia thị hiện “quay đầu là bờ”, tích lũy công khôn sánh, tích lũy đức to khôn sánh, giúp hết thấy chúng sanh khổ nạn, khiến cho hết thấy chúng sanh khổ nạn lìa khổ, được vui. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cho tiền chúng sanh, cũng chẳng cho họ vật dụng cần thiết. Thích Ca Mâu Ni Phật cho chúng sanh điều gì? Giúp chúng sanh giác ngộ, đó là thật, chẳng giả! Dùng phương pháp gì? Dùng giáo học, nêu gương, thân làm, miệng dạy. Đích thân làm cho quý vị thấy, miệng nói cho quý vị nghe, khiến cho quý vị hiểu rõ, giác ngộ. Vì sao? Vô lượng vô biên nỗi khổ đều do mê sanh ra. Do đã mê rồi nên quý vị nghĩ trật, nhìn lầm, nói sai, làm quấy, quả báo làm sao tốt đẹp cho được? Quả báo là lục đạo luân hồi. Chỉ có thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, vũ trụ là như thế nào, nhân sinh ra sao, ta từ đâu đến, tương lai sẽ đi về đâu, hiểu rõ toàn bộ, kể ấy tự tại, chẳng mê nữa. Kể ấy chẳng mê, nên chẳng nghĩ trật, chẳng nói sai, chẳng làm quấy, hằng ngày tích lũy công đức, hằng ngày tích lũy phước đức, phước huệ song tu thì mới có thể giải quyết vấn đề.

Thích Ca Mâu Ni Phật giúp con người giải quyết vấn đề từ căn bản, chẳng phải là cành nhánh. Đầu nói đến “*cầu*”, trong phần trước, tôi đã nói rất nhiều, trong các buổi giảng, [chúng tôi thường nói] chúng ta muốn cầu của cải, cầu thông minh trí huệ, cầu khỏe mạnh, sống lâu, đức Phật đã dạy quý vị phương pháp, chỉ cần quý vị nương theo lý luận và phương pháp mà Ngài đã dạy để thực hiện, chắc chắn sẽ đạt được! “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), chẳng phải là không cầu được. Pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng cầu được, thật đấy, chẳng thể nghĩ bàn! Cầu như thế đắc đại tự tại, trong tâm cũng chẳng có chút gánh nặng nào, chẳng phải bận lòng. Cầu tài, của cải sẽ cuồn cuộn đưa tới, nhưng phải có trí huệ; nếu chẳng có trí huệ, dấy tâm tham tài, của cải chẳng phải là thứ tốt đẹp, mang lại tội nghiệp cho quý vị, như vậy là sai mất rồi. Vì vậy, Phật pháp từ đầu tới cuối luôn đặt trí huệ vào vị trí thứ nhất. Có trí, lẽ đâu chẳng có của cải? Có của cải, chưa chắc đã có trí huệ. Có trí huệ, nhất định có của cải. Do đó, quý vị

chú tâm quan sát, trong thế gian và xuất thế gian, chỉ có lòng từ bi của Phật là chân thật. Nương theo mười nguyện này tu tập, suốt đời chúng ta không gì chẳng được như nguyện, hưởng thụ quả báo chân thật của chính mình.

Nguyện vương này, “*ư nhất thiết thời dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (trong hết thấy thời, nó dẫn đường đằng trước, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc), nêu mười nguyện trọn đủ, sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Đáo dĩ, tức kiến A Di Đà Phật*” (đã đến, liền thấy A Di Đà Phật), thấy Báo Thân Phật, chẳng phải là cõi Hữu Du, chẳng ở trong Đồng Cư, mà ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thấy Báo Thân Phật. “*Kỳ nhân tự kiến sanh liên hoa trung, môn Phật thọ ký*” (người ấy tự thấy sanh trong hoa sen, được Phật thọ ký), quý vị nói xem có vui sướng lắm hay không? Cũng giống như nói “đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp mặt A Di Đà Phật bèn thành Phật”, Phật thọ ký cho người ấy. “*Đắc thọ ký dĩ*” (đã được thọ ký), thọ ký bèn thành Phật, “*kinh ư vô số bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp*” (trải qua vô số trăm ngàn vạn ức na-do-tha³ kiếp), đó là nói tới thời gian, “*phổ ư thập phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới*” (khắp trong bất khả thuyết bất khả thuyết⁴ thế giới), nói tới nơi chốn. “*Dĩ trí huệ lực, tùy chúng sanh tâm nhi vi lợi ích*” (dùng sức trí huệ thuận theo tâm chúng sanh để tạo lợi ích), tạo lợi ích ứng với khả năng tiếp nhận [của chúng sanh], quý vị đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh giống như Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, nên dùng thân Phật để độ được, bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát để độ được, bèn hiện thân Bồ Tát. Thuận theo tâm chúng sanh mà hiện tướng, hiện các thứ tướng bất đồng, có thể đồng thời hiện vô lượng vô biên thân trong các nơi chốn khác nhau. Phật, Bồ Tát ứng hóa nhất định hoàn toàn tương ứng với căn tánh của chúng sanh, tự nhiên tương ứng. Tánh Đức có năng lượng to lớn như vậy, pháp được nói sẽ tự nhiên tương ứng; chúng sanh vừa tiếp xúc, vừa nghe nói bèn khai ngộ. Chưa có năng lực như vậy, làm sao có thể độ chúng sanh? Vì vậy, tu mười đại nguyện vương vãng sanh Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh đều khôi phục, đúng là con đường tắt để Bồ Tát thành Phật.

“*Năng ư phiến não đại khổ hải, bạt tế chúng sanh, linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới*” (có thể ở trong biển cả khổ sở, phiến não, cứu vớt

3 Một na-do-tha (na-dữu-đa) là một con số khá lớn. Cụ thể lớn bao nhiêu thì có nhiều thuyết khác biệt. Đời Nguyên, Châu Thế Kiệt đã cho rằng Na Do Tha là một vạn vạn lần A Tăng Kỳ. Một A Tăng Kỳ là 10 lũy thừa 104, tức là sau con số một (1) có 104 số 0. Na Do Tha là sau số một có 112 con số 0. Thuyết này hơi khác với lời dạy trong kinh Hoa Nghiêm (theo phẩm A Tăng Kỳ của kinh Hoa Nghiêm thì Na Do Tha chỉ là 10 lũy thừa 28).

⁴ Bất khả thuyết bất khả thuyết là một con số rất lớn trong kinh Hoa Nghiêm. Phẩm A Tăng Kỳ nói Tâm Vương Bồ Tát hỏi Phật về các con số, đức Phật bèn dạy: Một trăm lạc xoa là một câu chi, câu chi lần câu chi là một a dữu đa, a dữu đa lần a dữu đa là một na do tha, na do tha lần na do tha là một tối thắng... cho đến bất khả tư nghị lần bất khả tư nghị là một bất khả tư nghị chuyển, bất khả tư nghị chuyển lần bất khả tư nghị chuyển là một bất khả lượng, bất khả lượng lần bất khả lượng là một bất khả lượng chuyển, bất khả lượng chuyển lần bất khả lượng chuyển là một bất khả thuyết, bất khả thuyết lần bất khả thuyết là một bất khả thuyết chuyển, bất khả thuyết chuyển lần bất khả thuyết chuyển là một bất khả thuyết bất khả thuyết. Một lạc-xoa là mười vạn (100.000).

chúng sanh, khiến cho họ thoát khỏi, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật). Cứu khổ cứu nạn phải cứu đến cùng, không thể chỉ cứu nửa vời, đưa những người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều viên mãn. Lý luận và phương pháp đưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nằm trong bộ kinh này, chúng ta chớ nên quên mất bộ kinh này, hãy luôn nhớ câu kinh văn đầu tiên “*hàm công tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ), câu này quá trọng yếu! Do vậy, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh trước kia, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã soạn bản hội tập cho kinh Vô Lượng Thọ, và chính ông ta cũng đem quyển kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm này ghép vào sau Tịnh Độ tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Trong tương lai, chư vị đồng tu thấy Tịnh Độ Tứ Kinh liền biết Tứ Kinh là gì, chính là do Ngụy Mặc Thâm thêm phẩm Hạnh Nguyên vào đó. Hợp lý! “*Hàm công tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”, thật sự có lý. Đến đầu thời Dân Quốc, Ân Quang đại sư là một vị tổ sư trong thời cận đại của Tịnh Độ Tông, lão nhân gia đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, chương này không dài, chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, còn ngắn hơn Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh là hai trăm sáu mươi chữ, [còn chương Đại Thế Chí Viên Thông là] hai trăm bốn mươi bốn chữ, ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, nay gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Cần biết rằng: Tịnh Độ vốn chỉ có ba kinh, bản thứ tư là do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào, bản thứ năm do Ân Quang đại sư thêm vào. Chúng ta nghĩ xem còn có thể thêm vào hay không? Không thể tăng thêm, đã viên mãn, quý vị có muốn tăng thêm cũng không được, đã viên mãn rồi. Trong chín ngàn năm của thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ kệ hợp căn cơ của hết thảy chúng sanh, năm bộ kinh này có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, giúp mọi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thọ trì hoàn toàn năm bộ rất tốt; thật ra, cả năm bộ đều chẳng dài. Trong kinh luận Tịnh Tông, dài nhất là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, còn như Đại Thế Chí Viên Thông Chương chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, cũng là một bộ, rất thích hợp với căn tánh của người thời Mạt Pháp. Nếu nói theo kiểu Trung Quốc, kinh luận Tịnh Tông quả thật là “*giản yếu tường minh*”, tức là đơn giản, ngắn gọn, mà cũng tỉ mỉ, rõ ràng, thích hợp nhất cho đại chúng trong hiện tại và mai sau tu học.

“*Hựu kỳ trung đệ thập nguyện phổ giai hồi hướng, hiển Phổ*” (lại nữa, trong ấy, nguyện thứ mười là hồi hướng khắp cả, hiển thị ý nghĩa chữ Phổ), hiển lộ chữ Phổ, “*tùng sơ (đệ nhất nguyện) lễ kính nãi chí đệ cửu nguyện hằng thuận chúng sanh*” (từ ban đầu (nguyện thứ nhất) là lễ kính cho đến nguyện thứ chín là hằng thuận chúng sanh), đều nhằm hiển thị chữ Hiền trong đức hiệu của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Cố tri thập chủng đại nguyện, hiển Phổ Hiền nghĩa. Hiền tắc thụ cùng tam tế, Phổ tắc viên nhiếp vô dư*” (nên biết mười đại nguyện hiển thị ý nghĩa Phổ Hiền. Hiền là theo chiều dọc rốt ráo ba đời, Phổ là nhiếp trọn vẹn, chẳng sót), chúng ta nói là “theo chiều ngang trọn khắp mười phương”. Hiền là nói thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai; Phổ là nói mười phương, tức bốn phương, bốn góc, trên dưới, bao quát toàn bộ. “*Thanh Lương Sớ vân, quả vô bất cùng viết Phổ, bất xả nhân môn viết Hiền. Chánh hiển kinh trung Phổ Hiền, tức Vị Hậu Phổ Hiền*” (Thanh Lương Sớ giảng: “Quả không gì chẳng cùng tốt là Phổ, chẳng xả hạnh tu nhân là Hiền. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền trong kinh chính là Vị Hậu Phổ Hiền”), hai câu này giải thích rất rõ [ý nghĩa của danh hiệu] Phổ Hiền. Quả không gì chẳng cùng tốt, Cùng (窮) là đã đạt đến tốt bậc, chúng ta nói là “rốt ráo viên mãn”, đó là gì? Hoàn Nguyên Quán giảng “*một Thế, hai tác dụng, ba thứ trọn khắp*”, là quả không gì cùng tốt. Khó có nhất là chẳng bỏ Nhân môn, Nhân môn là gì? Tứ Đức, Ngũ Chi, Lục Quán là những Nhân môn được nói

trong Hoàn Nguyên Quán. Đã thành Phật, đã chứng địa vị Diệu Giác từ lâu, vẫn đến thị hiện trong nhân gian, thị hiện gì? Nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, thị hiện làm kẻ sơ học, thị hiện làm Tiểu Thừa. Chúng sanh thuộc căn tánh gì, bèn thị hiện thuận theo căn tánh của chúng sanh thì mới có thể tiếp dẫn hết thầy chúng sanh, mới có thể thỏa mãn nhu cầu của chúng sanh có căn tánh bất đồng. Chư Phật Như Lai chẳng có mảy may ý nghĩ của riêng mình, đó là “*hằng thuận chúng sanh*”. Hễ có một tí ý nghĩ của riêng mình sẽ chẳng hằng thuận. Hằng thuận là trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện, thần thông, đạo lực vô tận, nhưng phàm phu không biết. Điều này chỉ rõ Phổ Hiền được nói trong kinh, tức là vị Bồ Tát được nhắc đến trong kinh này, cũng như Phổ Hiền được nói trong kinh Hoa Nghiêm đều thuộc địa vị gì? Là Vị Hậu Phổ Hiền, tức là đã thành Phật, thuộc địa vị Diệu Giác. Chúng đắc địa vị Diệu Giác, nhưng Ngài lui xuống địa vị Bồ Tát để giúp đỡ chúng sanh, vì sao? Phật pháp là sư đạo, chúng ta phải biết điều này. Thầy cao vời vợi bên trên, học trò mang lòng kính sợ thầy, vừa kính trọng vừa sợ hãi, nên dạy lũ học trò chẳng thuận tiện cho lắm, vậy thì thầy làm sao? Thầy thay đổi thân phận, mang thân phận bạn học. Thân phận bạn học thuận tiện hơn nhiều, nói sao cũng dám nói, nên dễ dạy. Vì thế, Phật dạy chúng sanh chẳng dùng đến thân phận Phật, lui xuống làm thân phận Bồ Tát, đó là Vị Hậu Phổ Hiền.

“*Diệc tức Thiện Đạo đại sư sở vị, tòng quả hướng nhân chi tướng*” (cũng chính là “*tướng từ quả hướng về nhân*” như Thiện Đạo đại sư đã nói). Ngài vốn đã chứng quả, nay trở về nhân địa, quả là Phật, nhân là Bồ Tát, dùng thân phận Bồ Tát để ứng hóa trên thế gian. Bồ Tát như thế nào? Thừa quý vị, quá nửa đều là Thập Tín Vị Bồ Tát, địa vị không cao. Thập Tín rất gần chúng ta, nội dung giảng dạy cũng là nội dung rất gần gũi, dễ hiểu, chúng ta có thể tiếp nhận, nghe hiểu, mà cũng thật sự có thể làm được. Đó là một vị thầy giỏi. Trong thời đại hiện tại, thánh giáo suy vi, đại chúng bình phàm, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp đều chẳng học [thánh giáo]. Nếu quý vị lấy sách vở Đại Thừa quá sâu để dạy họ, về căn bản là họ nghe không hiểu. Dầu có hiểu, cũng hoàn toàn chẳng ăn khớp với cuộc sống của họ, họ chẳng dùng được! Điều đó có nghĩa là gì? Kinh giáo chẳng khế cơ! Tuy khế lý, [tức là] nói theo Lý chẳng sai, nhưng chẳng đúng với căn cơ của chúng sanh. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm là tài liệu dạy học cho nghiên cứu sinh, chúng sanh hiện thời là căn cơ gì? Căn cơ Tiểu Học. Quý vị lấy tài liệu học tập của nghiên cứu sinh để dạy Tiểu Học, làm sao họ có thể tiếp nhận cho được? Đó gọi là khế lý, chẳng khế cơ. Đối với những tài liệu để giảng dạy trong các trường học hiện thời, người trẻ tuổi học tập rất nhiều thứ, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, quý vị thấy trong ấy dạy những gì? Người học đông đảo như thế, nhưng nói theo Phật pháp, những tài liệu giảng dạy ấy khế cơ mà chẳng khế lý, hoàn toàn chẳng ăn khớp với giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Học trò có thể học được một ít công nghệ, có thể kiếm sống trong xã hội, nhưng chẳng biết làm người! Giáo dục làm người họ chưa được học, còn giáo dục để làm việc họ học chẳng ít. Chúng ta sống trong thời đại này, gặp gỡ căn tánh như vậy, phải hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ mới biết dùng phương pháp gì để giúp họ vừa khế cơ vừa khế lý.

Do vậy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thời đại này chẳng phải là ngẫu nhiên, cụ hội tập kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, chỉnh lý thành bản hoàn thiện, bản hoàn thiện ấy do hội tập năm bản dịch gốc hợp thành. Trong quá khứ cũng có người làm, nhưng thành quả có khuyết điểm, chẳng viên mãn. Đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư đời Tống hội tập,

lần thứ hai do ông Ngụy Mặc Thâm hội tập trong niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, lần thứ ba do Hạ lão cư sĩ hội tập vào đầu thời Dân Quốc. Họ đều chẳng phải là người bình phàm, mà toàn là hàng Bồ Tát đầy bản lãnh, thị hiện cho chúng ta thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ban cho chúng ta bản chú giải này, dụng ý rất ư là sâu, vì sao? Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa, trong chín ngàn năm ấy, Tịnh Độ là đương cơ, trong chín ngàn năm ấy cần đến Phật pháp thì cần loại Phật pháp nào? Cần bộ kinh này, cần pháp của Vô Lượng Thọ Phật. Chúng tôi cũng hiểu rõ chân tướng sự thật này; vì thế, lần này chúng tôi chọn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ để mọi người cùng nhau học tập. Chúng tôi nhắm đến mục đích hy vọng những thứ này (bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ và bản chú giải của cụ Hoàng) có thể lưu truyền hậu thế, dành cho người đời sau tham khảo, giúp họ học tập, giúp họ kiên lập tín tâm, nguyện lực, y giáo phụng hành, vãng sanh Tịnh Độ, mục đích ở chỗ này.

Tiếp đó, *“hựu Phổ Hiền kệ vân”* (lại nữa, bài kệ của Phổ Hiền có nói), trong bài kệ của Phổ Hiền Bồ Tát: *“Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thứ đại nguyện. Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”* (Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này, nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm, mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang). Bài kệ này *“thị tức Phổ Hiền tự ngôn”*, [tức là] do Phổ Hiền Bồ Tát tự nói, *“ngã ký vãng sanh Cực Lạc quốc dĩ, thành tựu sở phát chi thập chủng đại nguyện”* (ta đã vãng sanh cõi Cực Lạc, thành tựu mười thứ đại nguyện đã phát), nói cách khác, viên mãn mười thứ đại nguyện, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Vì sao? Thế giới Cực Lạc do mười thứ đại nguyện ấy kiến lập. Trong khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện, quý vị đem so với mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, [sẽ thấy] hoàn toàn tương ứng. Nói cách khác, mười nguyện Phổ Hiền triển khai thành bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà cô đọng thành mười nguyện Phổ Hiền. Vì vậy, tu hành viên mãn mười nguyện, thế giới Cực Lạc tự nhiên hiện tiền. Do nguyện nhân nào? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng, mười nguyện là nhân, thế giới Cực Lạc là quả. Nhân đã viên, quả đương nhiên sẽ trọn đủ, đạo lý là như thế đó. Điều khó có là hai câu kết thúc, *“phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”*, đó là hồi hướng. Sau đó lại có *“nãi dĩ thù thắng hạnh nguyện công đức, giai tất hồi hướng chúng sanh đồng sanh Cực Lạc”* (dùng công đức thù thắng của hạnh nguyện để hồi hướng cho chúng sanh ắt đều cùng sanh về Cực Lạc). Bồ Tát thị hiện trên thế gian, thực hiện mười nguyện này, làm cho chúng ta thấy, với dụng ý gì? Dụng ý nhằm ảnh hưởng chúng sanh trong thế giới Sa Bà, khuyên họ hãy bắt chước. Thời thời khắc khắc nhắc nhở, thời thời khắc khắc khuyên dụ, hướng dẫn, mang ý nghĩa ấy. Vì Phổ Hiền Bồ Tát thành Phật đã lâu, đã sớm tu hành viên mãn, Ngài thả chiếc bè Từ, đến thế gian này, ứng hóa có thân phận và kiến thức giống như chúng ta, làm cho chúng ta thấy Ngài chịu tu, Ngài đã tu thành công. Chúng ta sẽ lấy Ngài làm gương mẫu, làm điển hình, Ngài có thể tu thành công, ta nghĩ ta nhất định cũng có thể tu thành công. Từ bi đạt tới tột bậc! Học rồi, đức của Phổ Hiền sẽ từ trong tâm chính mình lưu lộ, trong một đời chúng ta, từng chút thiện hạnh nhỏ nhất đều chẳng vì chính mình, ta đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, nguyện hết thấy chúng sanh đồng sanh Cực Lạc. Đại nguyện ấy không chỉ tương ứng với Phổ Hiền, mà còn tương ứng viên mãn với A Di Đà Phật, niệm niệm chẳng vì chính mình, chỉ có hết thấy chúng sanh.

“*Phổ giai hồi hướng, nãi thành Phổ nghĩa*” (“phổ giai hồi hướng” nhằm thành tựu nghĩa Phổ), ý nghĩa của chữ Phổ đã thành tựu. “*Di Đà tứ thập bát nguyện, nhiếp nhất thiết chúng sanh, thị phổ giai hồi hướng chi bốn nguyện*” (Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ hết thảy chúng sanh là cội nguồn của phổ giai hồi hướng). Nói cách khác, phổ giai hồi hướng là bốn nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh đều chứng Phật quả rốt ráo viên mãn của A Di Đà Phật. Ở đây, cụ Hoàng đã chỉ ra rất hay: Mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát đến cuối cùng là dùng phổ giai hồi hướng để viên mãn, chính là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật được viên mãn. Do vậy, “*Phổ Hiền thập đại nguyện vương, chánh thị Di Đà đại nguyện chi đệ tam thập ngũ nguyện chi quảng diễn*” (mười đại nguyện vương của Phổ Hiền chính là sự mở rộng của nguyện thứ ba mươi lăm trong Di Đà đại nguyện). Nguyện thứ ba mươi lăm là “*nhất sanh bổ xứ nguyện*”, ở đây, lời nguyện đã được trích lục như sau: “*Sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bổ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện vị chúng sanh cố, bị hoảng thệ khái, giáo hóa nhất thiết hữu tình giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo*” (kể sanh về nước ta, rốt ráo ắt đạt tới địa vị Nhất Sanh Bổ Xứ, ngoại trừ người nào do bốn nguyện vì chúng sanh [mà khoan đạt đến địa vị ấy], mặc áo giáp hoảng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình đều cùng phát tín tâm, tu hạnh Bồ Đề, hành đạo Phổ Hiền). Ở đây, tôi không giảng đoạn kinh văn này, trong phẩm thứ sáu ở phần sau, chúng ta đọc đến đoạn kinh văn ấy sẽ lại giảng giải tường tận.

“*Do thị khả kiến, hội trung thánh chúng, đa thị tăng sanh Cực Lạc, phi hoảng thệ khái, du hóa thập phương, trợ Phật hoảng hóa*” (do vậy, có thể thấy: Thánh chúng trong hội phần nhiều đã từng sanh về Cực Lạc, khoác áo giáp hoảng thệ, dạo khắp mười phương, giúp Phật hoảng dương, giáo hóa), mấy câu này nói hay quá! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này tại Linh Sơn, bộ kinh này và kinh Pháp Hoa được giảng cùng một chỗ. Kinh Pháp Hoa giảng tại núi Linh Thứu, bộ kinh này cũng được giảng tại núi Linh Thứu, cùng một nơi, thính chúng cũng giống như trong kinh Pháp Hoa, đại tỷ-kheo chúng một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp, khác hẳn các pháp hội khác! Trong các pháp hội khác, [kinh văn thường] chép là một ngàn hai trăm năm mươi người, bộ kinh này là một vạn hai ngàn người. Trong đại chúng, có rất nhiều vị đã từng vãng sanh thế giới Cực Lạc, lại trở về. Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh ở nơi đây, các Ngài quay lại, vì sao quay lại? Chính vì nguyện thứ ba mươi lăm này, bốn nguyện của các Ngài là vì chúng sanh. Đặc biệt có duyên phận với chúng sanh trong thế giới này, bản thân các Ngài chưa chứng đến Đẳng Giác, nhưng các Ngài quay lại giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Người như vậy rất nhiều, trong hàng xuất gia đã có, mà trong hàng tại gia lại càng nhiều. Tại gia độ chúng sanh càng thuận tiện hơn, biến thành người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đến độ quý vị, giúp quý vị sanh khởi tín tâm đối với pháp môn Tịnh Tông, giúp quý vị hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, y giáo tu hành, giúp quý vị hành Phổ Hiền đạo, tức là hành mười đại nguyện vương.

Trong quá trình thành lập Tịnh Tông Học Hội, lần trước chúng tôi đã thưa bày đại lược cùng quý vị, nhưng [bài viết trình bày] duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội được viết tại Thánh Hà Tây, Gia Châu (San Jose, California) của nước Mỹ, tại một thị trấn nhỏ tên là Khố Phách Đề Nặc (Cupertino). Lúc đó, tôi ở bên ấy, viết ra duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội. Trong bài viết về duyên khởi, chúng tôi nêu ra năm khoa mục mà người tu Tịnh Độ nhất định phải nghiêm túc học tập, thực hiện. Năm khoa mục ấy là Tịnh Nghiệp Tam

Phước, Lục Hòa Kính, Giới - Định - Huệ Tam Học, Lục Ba La Mật, và Phổ Hiền Thập Nguyên, năm khoa mục như vậy. Thời gian trôi qua rất nhanh, đã hơn hai mươi năm rồi, có hiệu quả hay không? Dường như hiệu quả chẳng rõ rệt. Đồng học tại gia chẳng thể thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, đồng học xuất gia chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, như vậy là vãng sanh sẽ có vấn đề. Chúng tôi cũng nghiêm túc phản tỉnh, vì sao cổ nhân làm dễ dàng đường ấy, mà người hiện thời làm khó khăn đường ấy, làm không được, nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng tôi cũng tốn không ít thời gian nghiên cứu vấn đề này, đã tìm được kết luận. Trong đời này, chúng ta chẳng vun bồi cõi rể giáo dục, cho nên chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp. Do vậy, chúng tôi bèn nghĩ, trong giáo dục truyền thống Trung Quốc, căn bản giáo dục nào được vun bồi? Ba căn bản Nho, Thích, Đạo. Căn bản của Nho là gì? Luân lý, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trong quá khứ, lớp tuổi nhi đồng hết sức nghiêm túc học tập những đức mục này. Không có văn tự, nhưng cha mẹ dạy bảo, bậc trưởng thượng trong nhà quý vị dạy dỗ, thân thích, bằng hữu dạy bảo, thậm chí người xa lạ chẳng quen biết, trông thấy quý vị phạm quy củ cũng đều chỉ trích, dạy dỗ, được dưỡng thành từ nhỏ. Trẻ nhỏ thấy nhiều, nghe nhiều, đúng là “tai nghe, mắt nhiễm, trở thành thói quen”, chính mình làm chuyện quấy, bị kẻ khác chỉ trích, bèn tuân phục, cúi đầu, chẳng dám cãi lại. Chúng tôi nghĩ đến vấn đề này, nghĩ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội loạn động bất an, mãi cho đến hiện tại vẫn chẳng an định. Vun bồi căn bản giáo dục đều bị coi nhẹ, sơ sót, không chỉ chẳng nhìn thấy, mà cũng chẳng ai nói tới, điều này rất đáng sợ!

Do vậy, trong lúc nhiều người đang nói tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chúng tôi mới nghiêm túc đưa ra ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo gia và Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật gia. Quả thật, trong thời quá khứ, người Trung Quốc từ nhỏ đều biết đến ba căn bản này, đều được giáo dục nên học Phật rất dễ dàng. Mở kinh bôn ra xem, ta thấy “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chúng ta chẳng xa lạ chút nào, quay đầu nghĩ lại, đại khái là nói đến chúng ta, ta cũng đáng thuộc trong số đó. Thập Thiện Nghiệp Đạo đã làm được, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, Thập Thiện Nghiệp Đạo không làm được, nhân quả trong Cảm Ứng Thiên không biết, quý vị chưa được giáo dục. Có cơ sở Nho và Đạo, chỉ cần tiếp xúc Thập Thiện Nghiệp Đạo liền hiểu rõ, có thể thực hiện. Vì vậy, trong Phật pháp, bất luận xuất gia hay tại gia, nghiêm túc học tập, lẽ nào không thành tựu! Hiện thời, những thứ này bị coi thường, bỏ sót, chẳng có nữa, chẳng có thì sẽ như thế nào? Người ta biết làm việc, nhưng chẳng biết làm người! Phương pháp làm việc đã học, nhưng quy củ làm người chẳng học, con người chẳng biết làm người, xã hội sẽ động loạn. Hiện thời, muốn xã hội an định, muốn xã hội hòa hài, ngoại trừ tìm lại những thứ của tổ tiên, chẳng có biện pháp nào tốt đẹp hơn. Do vậy, chúng tôi vẫn đề xướng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, hàng xuất gia còn có thêm Sa Di Luật Nghi. Chúng ta nghĩ xem trong số những người dạy các môn này trong hiện thời, có ai từ thế giới Cực Lạc trở lại hay không? Tôi nghĩ chắc chắn là có! Những vị Pháp Thân Bồ Tát ấy tới thế gian thị hiện gì vậy? Thị hiện làm giáo viên Tiểu Học; thật đấy, chẳng giả đâu! Đấy là ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân gì để độ được liền hiện thân ấy, chắc chắn là như vậy. “*Tằng sanh Cực Lạc, phi hoàng thế khái, du hóa thập phương, trợ Phật hoằng hóa*” (từng sanh Cực Lạc, khoác giáp hoàng thế, du hóa mười phương, giúp Phật hoằng dương, giáo hóa), chúng ta chớ nên khinh dễ, phải tôn trọng, phải lễ kính.

“*Như thị triển chuyển giáo hóa, triển chuyển độ thoát*” (lần lượt giáo hóa, lần lượt độ thoát như vậy), đó là pháp luân thường chuyển, chúng ta nghiêm túc nỗ lực dạy người khác, người khác học được, lại đi dạy kẻ khác nữa. Đặc biệt là trong thời đại hiện tiền, những nơi làm mẫu quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Thiếu những nơi ấy, tuy chúng ta có dạy, tốn thời gian nhiều đến đâu đi nữa, hao tổn tinh thần đến đâu đi nữa, hiệu quả chẳng rõ rệt, vì sao? Người khác chẳng nhìn thấy. Vì thế, nhất định phải có chỗ thí nghiệm, thực hiện trong một phạm vi nhỏ, trong một khu vực nhỏ, hoặc một thị trấn nhỏ, thực hiện một trăm phần trăm, có một nơi như thế. Tôi tin tưởng mọi người chúng ta thật sự phát tâm, Tam Bảo gia trì, nguyện vọng ấy sẽ được thực hiện, sẽ xuất hiện. Dạy bên ngoài, quý vị có tin hay không? Quý vị đến nơi ấy mà xem, hãy đến tham quan. Sau khi họ thấy, chẳng còn hoài nghi nữa, cũng sẽ thật sự làm. Có thể sanh ra hiệu quả hay không, điều này rất trọng yếu! Hiện thời có rất nhiều người đang tu phước trong Phật môn, dựng chùa to miếu lớn, có lợi ích hay không? Trước đây, thầy Lý còn tại thế, thường bảo chúng tôi: “*Hữu miếu vô đạo, bất năng hưng giáo*” (Có chùa, nhưng chẳng có đạo, giáo pháp chẳng thể hưng thịnh). Lão nhân gia cả đời không coi trọng đạo tràng, nên đạo tràng rất sơ sài, cụ coi trọng bồi dưỡng nhân tài. Hiện thời, chúng ta không chỉ phải coi trọng bồi dưỡng nhân tài, mà còn phải coi trọng những tiểu khu gương mẫu. Tại Tam Trọng, Đài Loan có một con phố, có hai vị thầy vất vả lo toan tại đó suốt mười ba năm, rất có thành tích, nay đã được chánh phủ công nhận. Người thật sự có tâm, thật sự là bậc Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại, thay A Di Đà Phật làm chuyện tốt đẹp, thật sự cứu khổ, cứu nạn, cứu giúp hết thầy chúng sanh, lập ra những chỗ làm gương. Đó là sự nghiệp Bồ Tát, sự nghiệp thần thánh, sự nghiệp nào trong thế gian đều chẳng thể sánh bằng! Trong quá khứ, chúng tôi đã thực hiện tại trấn Thang Trì của huyện Lô Giang ba năm, nay đã chuyển đến nơi đây. Ba năm ở Lô Giang là giáo dục toàn dân, làm thành công, dọn sang bên này, tôi chú trọng bồi dưỡng giáo viên, làm cơ sở huấn luyện thầy trò. Trong tương lai có duyên phận như vậy, tiểu trấn, tiểu khu nào muốn làm, chúng tôi sẽ có giáo viên đến dạy; không có thầy đến dạy sẽ chẳng thành công. Do vậy, chúng tôi đọc đến đoạn này, nghĩ đến những vị thầy tốt đẹp ấy, thật sự thực hiện rồi hy sinh, dâng hiến, vốn là từ thế giới Cực Lạc trở lại, trong quá khứ đã đến thế giới Cực Lạc, nay giúp Phật giáo hóa chúng sanh, xoay vần giáo hóa, xoay vần độ thoát. “*Thị cố kinh trung vô lượng vô biên nhất thiết Bồ Tát, giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (Vì thế, vô lượng vô biên hết thầy các vị Bồ Tát trong kinh đều tuân theo đức của Phổ Hiền đại sĩ). Có phải là từ thế giới Cực Lạc quay lại hay không? Từ câu nói ấy, quý vị sẽ thấy được tin tức. Câu nào vậy? “*Giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức*”. Nếu từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến, người ấy chắc chắn có tập khí này, không cần ai phải dạy, chính người ấy thể hiện lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng, hiển thị ra, tự nhiên làm cho quý vị thấy, thật đây, chẳng giả đâu!

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới: “*Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Thượng lương cú sơ tán chư đại sĩ chi thật đức*” (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thầy các pháp công đức. Hai câu trên khen ngợi thật đức của Đại Sĩ). Hai câu này nói chung về các vị đại Bồ Tát, họ có công đức chân thật, trọn đủ vô lượng hạnh nguyện. Vô lượng hạnh nguyện là mười đại nguyện vương được mở rộng, khuếch trương, giống như các vị đại Bồ Tát đã mở rộng Thập Thiện Nghiệp Đạo thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát quy nạp thành Thập Thiện Nghiệp, ở đây cũng là mười điều của Phổ Hiền, mở rộng thành vô lượng vô biên hạnh

nguyện. “*Vô lượng giả, kỳ đa, kỳ đại, vô pháp xưng lượng, cố danh vô lượng*” (vô lượng là nhiều, lớn, chẳng có cách nào đo lường, nên gọi là vô lượng). Trong Nhiếp Đại Thừa Luận Thích có nói, Thích (釋) là giải thích, “*bất khả dĩ thí loại đắc tri vi vô lượng*” [nghĩa là] chẳng có cách nào dùng tỷ dụ để sánh ví mà hòng biết được thì gọi là “vô lượng”. Giải thích hai chữ này! “*Hạnh vị Lục Độ, Tứ Nhiếp đẳng đại hạnh*” (“Hạnh” là các đại hạnh như Lục Độ, Tứ Nhiếp v.v...). Bồ Tát biểu hiện cho chúng ta thấy, nhằm khẳng định những điều ấy, làm cho chúng ta xem. Bọn phàm phu chúng ta có tâm hạnh tương phản, Bồ Tát thích bố thí, phàm phu ưa tích trữ. [Phàm phu] tích trữ những thứ không mang theo được, còn Bồ Tát thì thứ gì không mang theo được đều bố thí hết. Phàm phu chuộng làm ác, Bồ Tát chuộng trì giới. Bồ thí độ keo tham, trì giới độ ác nghiệp, nhân nhục độ sân khuê, tinh tấn độ giải đãi, Thiên Định độ tán loạn, trí huệ độ ngu si, Bồ Tát dùng sáu điều này để tự độ, độ người khác.

Tứ Nhiếp Pháp là phương thức tiếp dẫn chúng sanh, nói theo cách bây giờ, chúng là các cách thức để Bồ Tát giao tiếp công chúng. Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh như thế nào? Ngài có bốn phương pháp:

1) Phương pháp thứ nhất là Bồ Thí. Bồ thí ở đây khác với Bồ Thí trong Lục Độ, bồ thí ở đây là gì? Mời khách nhiều, tặng quà nhiều, người thế gian chúng ta thường nói là “*lễ đa, nhân bất quá*” (lễ nhiều, người ta chẳng trách). Bồ Tát thật sự dùng phương pháp như thế, tặng quà nhiều, mời khách nhiều, tạo dựng cảm tình. Sau khi đã tạo dựng quan hệ tốt đẹp rồi, sẽ dễ nói chuyện.

2) Ái Ngữ là lời lẽ tốt đẹp thật sự quan tâm, thuốc hay đáng miệng, thật sự có thể nói lời chân tâm với họ.

3) Lợi Hành là hành vi của Bồ Tát nhất định có lợi cho chúng sanh.

4) Cuối cùng là Đồng Sự, hết sức lởi lạc, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Bồ Tát có trí huệ, Bồ Tát có thần thông. Dầu quý vị có ác hạnh, Ngài vẫn có thể tùy thuận, trong tùy thuận sẽ uốn nắn quý vị, khiến cho quý vị giác ngộ, quay đầu là bờ.

Trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng Tứ Đức, đó là Tánh Đức, là đại căn đại bản của đức hạnh Bồ Tát. Giống như bốn nguyện của A Di Đà Phật và bốn nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, đó là đại căn đại bản. Thứ nhất là “*tùy duyên diệu dụng*”, thứ hai là “*oai nghi có pháp tắc*”, oai nghi có pháp tắc là nêu gương tốt cho người ta thấy, chớ nên nêu gương xấu, phải nêu gương tốt. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều phải nêu bày dáng vẻ tốt đẹp, dáng vẻ ấy tương ứng với Tánh Đức, tại Trung Quốc chắc chắn phải là dáng vẻ tốt đẹp tương ứng với hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình. “*Nhu hòa chất trực*”, đây là thái độ biểu hiện trong tiếp xúc với đại chúng, một niềm hoan hỷ, tâm địa chân thành, biểu lộ ra ngoài một niềm hoan hỷ. “*Đại chúng sanh khổ*” (chịu khổ thay cho chúng sanh), chúng ta có thể biểu diễn đại nguyện chịu khổ thay cho chúng sanh rất khá, có thể làm rất tốt, thật sự giúp nhiều chúng sanh quay đầu là bờ. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!